

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/DS-PT

Ngày: 13-4-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;
Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/04/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 03 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành Phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Mỹ S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, sinh năm 1982.

2. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị N và bà Ú: chị Nguyễn Thị N1 sinh

năm 1999; Địa chỉ: ấp L, xã T, Huyện T, Tỉnh Đồng Tháp;

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn L là luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Minh T1- chi nhánh T4- thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Thanh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ú là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị Hồ Mỹ S đại diện nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày:***

Ngày 04/12/2019, chị Huỳnh Thị T có cho chị Nguyễn Nguyệt T2 N, bà Nguyễn Thị Ú và anh Đỗ Thanh H vay số tiền 14.095.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Khi vay, chị N có viết tờ biên nhận mượn tiền đề ngày 04/12/2019, trong biên nhận không thể hiện lãi suất thỏa thuận và cũng chỉ có chị N, bà Ú ký tên vào biên nhận còn anh H không có ký tên vào biên nhận.

Từ khi vay tiền đến nay, chị N, bà Ú và anh H không có đóng lãi và trả tiền vốn cho chị T, phía chị T đã nhiều lần tìm gặp để hỏi thúc nhưng chị N, bà Ú và anh H vẫn không trả lãi và vốn cho chị T.

Mặc dù chị N, bà Ú và anh H vay của chị T số tiền thực tế là 14.095.000.000 đồng, nhưng khi viết số tiền vay ra chữ thì chị N chỉ ghi số tiền là "Mười bốn tỷ không trăm chín mươi lăm ngàn", chị T không kiểm tra lại nên không phát hiện sai sót. Do đó, chị Huỳnh Thị T chỉ yêu cầu chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú và anh Đỗ Thanh H liên đới trả số tiền vốn vay 14.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/12/2019 đến ngày 04/10/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 3.950.800.000 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến:***

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng chị N, bà Ú không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thanh H vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:***

Anh H không biết việc chị N vay tiền của chị T. Anh H xác định bản thân không có vay tiền của chị T nên không đồng ý cùng chị N liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị T.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thuận

Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới trả cho chị Huỳnh Thị T số tiền vốn vay 14.000.000.000 đồng, tiền lãi 3.950.800.000 đồng, tổng cộng là 17.950.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T; mà chị N, bà Ú chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho chị T, thì hàng tháng chị N, bà Ú còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Đỗ Thanh H cùng chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới trả nợ.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới nộp 125.951.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 62.485.000 đồng theo biên lai số 000557 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, chị T được nhận lại số tiền 62.185.000 đồng.

3. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới chịu toàn bộ chi phí giám định là 14.040.000 đồng. Chị Huỳnh Thị T đã nộp số tiền 14.040.000 đồng và chi xong, chị N và bà Ú có nghĩa vụ liên đới nộp 14.040.000 đồng để trả lại cho chị T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm chị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Huỳnh Thị T với bị đơn là chị Nguyễn Nguyệt T2 Ngân bà bà Nguyễn Thị Ú về việc yêu cầu trả nợ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T3 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ú về việc yêu cầu xem xét lại bản án mà Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên theo thẩm quyền và đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Việc chị N, bà Ú nại ra là từ trước đến nay không nhận được bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án: Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, đã triệu tập hợp lệ đối với chị N, bà Ú nhưng các lần đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị N, bà Ú, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Riêng anh H có ý kiến là không biết việc chị N vay tiền của chị T. Anh H xác định bản thân không có vay tiền của chị T nên không đồng ý cùng chị N liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị T và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đối với chị N, bà Ú và anh H là phù hợp pháp luật nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị N.

- Đối với nội dung kháng cáo của chị N và bà Ú cho rằng chị không có vay, mượn tiền của chị T và cho rằng kết quả giám định của Phòng K là không phù hợp, không đúng quy định pháp luật: Xét yêu cầu kháng cáo này của chị N, bà Ú là không có căn cứ vì chị N và bà Ú không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc không nợ tiền của chị T và cũng không có căn cứ gì để xác định kết quả Giám định của Phòng kỹ thuật hình sự là không đúng quy định pháp luật.

Tại Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ và hợp pháp, ...

2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó... ”.*

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, bà Ú nên chị N và bà Ú phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ú;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 07-10-2022 của Tòa án nhân dân thành Phố Sa Đéc;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T.

Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới trả cho chị Huỳnh Thị T số tiền vốn vay 14.000.000.000 đồng, tiền lãi 3.950.800.000 đồng, tổng cộng là 17.950.800.000 đồng (Mười bảy tỷ chín trăm năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T; mà chị N, bà Ú chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho chị T, thì hàng tháng chị N, bà Ú còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Đỗ Thanh H cùng chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới trả nợ.

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới nộp 125.951.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 62.485.000 đồng theo biên lai số 000557 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, chị T được nhận lại số tiền 62.185.000 đồng.

- Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ú liên đới chịu toàn bộ chi phí giám định là 14.040.000 đồng. Chị Huỳnh Thị T đã nộp số tiền 14.040.000 đồng và chi xong, chị N và bà Ú có nghĩa vụ liên đới nộp 14.040.000 đồng để trả lại cho chị T.

3. Về án phí phúc thẩm:

Chị N, bà Ú mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001177 và Biên lai số 0001178, ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP S.;
- Chi cục THADS TP S.;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh